TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST
Ngày: 22-04-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đắc Liệt

2. Ông Nguyễn Văn Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2021/TLST-KDTM ngày 13-01-2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 B, phường C, quận D, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí N, sinh năm 1968, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành M, chức vụ: Phó giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ - VPBank Hội sở kiêm Phó tổng giám đốc VPBank.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Dương Y- chứ vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 1, số 96 Cao G, Phường K, Quận V, Thành phố Q. Theo văn bản ủy quyền số 87633/2020/UQ-PGĐ ngày 04-12-2020. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH X.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 3, Tòa nhà Z, 36 Nguyễn Thái F, phường W, thành phố S, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh L- Giám đốc;

(vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Hồ Thanh L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 32/21A Cao Bá U, phường I, thành phố S, tỉnh P. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3.2. Ông Trần Văn E, sinh năm 1982

Địa chỉ: 21/1/4 Nguyễn Tri R, phường W, thành phố S, tỉnh P. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2020, bản tự khai, các buổi làm việc và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Dương Y trình bày:

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng) chi nhánh Thành phố S và Công ty TNHH X (sau đây viết tắt là Công ty X) ký kết các Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số SME/VTU/18/0002/HDTD; Phụ lục hợp đồng số SME/VTU/18/0002/HDTD ngày 12/01/2018 kiêm khế ước nhận nợ số SME/VTU/18/0002/HDTD - 01 ngày 12/01/2018 với các nội dung cơ bản như sau: Số tiền vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất là 21.7%/năm, điều chỉnh 01 tháng một lần, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng khác, lắp đặt thiết bị trong năm 2017-2018.

Ngày 22/10/2019, Ngân hàng A chi nhánh Thành phố S và Công ty TNHH X ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số VTU/19038 được giải ngân 02 lần theo khế ước nhận nợ lần 01 số VTU/19038-01 ngày 22/10/2019 và khế ước nhận nợ lần 02 số VTU/19038-02 ngày 18/11/2019 với các nội dung cơ bản như sau: Số tiền vay: 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 17.7%/năm, điều chỉnh 01 tháng một lần, mục đích để bổ sung vốn lưu động phát triển kinh doanh trong lĩnh vực buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng khác, lắp đặt thiết bị.

Ngày 17/12/2018, Ngân hàng A chi nhánh Thành phố S và Công ty TNHH X ký giấy đăng ký phát hành thẻ phụ không có tài sản đảm bảo với hạn mức được cấp 50.000.000đồng, hạng thẻ: Business, thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu.

Các khoản vay trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Hồ Thanh L theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/18/0002/HDBL.01 ngày 12/01/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số VTU/19038-01 ngày 22/10/2019; ông Trần Văn E bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/18/0002/HDBL.02 ngày 12/01/2018. Khoản tín dụng cấp cho Công ty X không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty X tổng số tiền là 799.460.000 đồng theo khế ước nhận nợ số SME/VTU/18/0002/HDTD-01 ngày 12/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 01 số VTU/19038-01 ngày 22/10/2019; khế ước nhận nợ lần 02 số VTU/19038-02 ngày 18/11/2019 .

Công ty X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 497.577.536 đồng và số tiền lãi là 170.041.225 đồng. Công ty X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty X để yêu cầu trả nợ vay nhưng Công ty X cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty X thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/04/2021 là: 464.629.716 đồng, bao gồm nợ gốc là 362.233.676 đồng, nợ lãi là 96.428.709 đồng, phạt chậm trả: 5.967.331đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày 23/04/2021 cho đến khi Công ty X thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty X không thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông Hồ Thanh L và ông Trần Văn E có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại bản tự khai bị đơn - Công ty TNHH X trình bày:

Ông Hồ Thanh L – đại diện theo pháp luật của công ty X xác nhận Ngân hàng A chi nhánh Thành phố S và Công ty TNHH X ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số SME/VTU/18/0002/HDTD; Phụ lục hợp đồng số SME/VTU/18/0002/HDTD ngày 12/01/2018 kiêm khế ước nhận nợ số SME/VTU/18/0002/HDTD-01 ngày 12/01/2018 với số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất là 21.7%/năm, điều chỉnh 01 tháng một lần, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng khác, lắp đặt thiết bị trong năm 2017-2018; Ngày 22/10/2019, Ngân hàng A chi nhánh Thành phố S và Công ty TNHH X ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số VTU/19038 được giải ngân 02 lần theo khế ước nhận nợ lần 01 số VTU/19038-01 ngày 22/10/2019 và khế ước nhận nợ lần 02 số VTU/19038-02 ngày 18/11/2019 với số tiền vay: 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 17.7%/năm; giấy đăng ký phát hành thẻ phụ không có tài sản đảm bảo với hạn mức được cấp 50.000.000đồng, hạng thẻ: Business, thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu ngày 17/12/2018.

Các khoản vay trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Hồ Thanh L theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/18/0002/HDBL.01 ngày 12/01/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số VTU/19038-01 ngày 22/10/2019; ông Trần Văn E bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/18/0002/HDBL.02 ngày 12/01/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty X tổng số tiền 799.460.000 đồng theo khế ước nhận nợ số SME/VTU/18/0002/HDTD-01 ngày 12/01/2018, khế ước nhận nợ lần 01 số

VTU/19038-01 ngày 22/10/2019 và khế ước nhận nợ lần 02 số VTU/19038-02 ngày 18/11/2019.

Ông L xác nhận số nợ và có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ và lãi phát sinh. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên ông chưa thể thanh toán được các khoản nợ trên cho ngân hàng. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và công ty không có khiếu nại gì về số tiền gốc và tiền lãi do phía ngân hàng khởi kiện tại Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh L trình bày:

Ông Hồ Thanh L xác nhận có ký với ngân hàng hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/18/0002/HDBL.01 ngày 12/01/2018 để bảo lãnh cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số SME/VTU/18/0002/HDTD ngày 12/01/2018 và hợp đồng bảo lãnh số VTU/19038-01 ngày 22/10/2019 HDBL.01 ngày 12/01/2018 để bảo lãnh cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số VTU/19038 ngày 22/10/2019. Trường hợp Công ty 379 không thanh toán được toàn bộ số nợ trên cho ngân hàng thì ông L có trách nhiệm thanh toán toán bộ số nợ trên cho ngân hàng theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn E trình bày:

Ông E xác nhận có ký với ngân hàng Hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/18/0002/HDBL.02 ngày 12/01/2018 để bảo lãnh cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số SME/VTU/18/0002/HDTD ngày 12/01/2018. Trường hợp Công ty X không thanh toán được toàn bộ số nợ của Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số SME/VTU/18/0002/HDTD ngày 12/01/2018 cho ngân hàng thì ông E có trách nhiệm thanh toán toán bộ số nợ trên cho ngân hàng theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Công ty X thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/04/2021 là: 464.629.716 đồng (bốn trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, bảy trăm mười sáu đồng), bao gồm nợ gốc là 362.233.676 đồng, nợ lãi là 96.428.709 đồng, phạt chậm trả: 5.967.331đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày 23/04/2021 cho đến khi Công tyX thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty X không thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông Hồ Thanh L và ông Trần Văn E có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn Công ty X; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, ông E vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh P phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy

đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 71,72,73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2020 Ngân hàng A chi nhánh Thành phố S và Công ty TNHH X có tranh chấp hợp đồng tín dụng nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại có quan hệ pháp luật là "***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố S theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH X; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh L và ông Trần Văn E có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên áp dụng khoản 2 điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy, Ngày 12 tháng 01 năm 2018, Ngân hàng A chi nhánh Thành phố S và Công ty TNHH X xác lập Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số SME/VTU/18/0002/HDTD; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12 tháng 01 năm 2018, khế ước nhận nợ lần 01: số SME/VTU/18/0002/HDTD-01 ngày 12/01/2018 để vay số tiền 500.000.000đồng với lãi suất 21.7%/năm, thời hạn vay là 36 tháng.

Ngày 22/10/2019, Ngân hàng A chi nhánh Thành phố S và Công ty TNHH X ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số VTU/19038 với số tiền vay 300.000.000đồng với lãi suất 17.7%/năm, thời hạn vay là 12 tháng được giải ngân 02 lần theo khế ước nhận nợ lần 01 số VTU/19038-01 ngày 22/10/2019 và khế ước nhận nợ lần 02 số VTU/19038-02 ngày 18/11/2019.

Ngày 17/12/2018, Ngân hàng A chi nhánh Thành phố S và Công ty TNHH X ký giấy đăng ký phát hành thẻ phụ không có tài sản đảm bảo với hạn mức được cấp 50.000.000đồng.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 799.460.000 đồng (bảy trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) và phát hành thẻ, Công ty TNHH X đã xác nhận nợ theo khế ước nhận nợ số

SME/VTU/18/0002/HDTD-01 ngày 12/01/2018; khế ước nhận nợ lần 01 số VTU/19038-01 ngày 22/10/2019 và khế ước nhận nợ lần 02 số VTU/19038-02 ngày 18/11/2019. Công ty TNHH X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 497.577.538 đồng (bốn trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi bảy ngàn, năm trăm ba mươi tám đồng) và số tiền lãi là 170.041.225 đồng (một trăm bảy mươi triệu, không trăm bốn mươi mốt ngàn, hai trăm hai mươi lăm đồng). Hợp đồng giữa hai bên ký với nhau thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Do Công ty TNHH X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH X thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng với tổng số tiền tính đến ngày 22/04/2021 là: 464.629.716 đồng (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, bảy trăm mười sáu đồng), bao gồm nợ gốc là 362.233.676 đồng (ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng), nợ lãi là 96.428.709 đồng (chín mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn, bảy trăm lẻ chín đồng), phạt chậm trả: 5.967.331đồng (năm triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi mốt đồng) và khoản tiền lãi tính từ ngày 23/04/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Ông Hồ Thanh L và ông Trần Văn E xác nhận có ký hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/18/0002/HDBL.01 ngày 12/01/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/18/0002/HDBL.02 ngày 12/01/2018 để bảo lãnh cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số SME/VTU/18/0002/HDTD ngày 12/01/2018. Ông Hồ Thanh L có ký hợp đồng bảo lãnh số VTU/19038-01 ngày 22/10/2019 HDBL.01 ngày 12/01/2018 để bảo lãnh cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số VTU/19038 ngày 22/10/2019. Theo đó ông L và ông E bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân đối với nghĩa vụ của Công ty TNHH X tại Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng đã ký và văn bản tín dụng khác giữa Công ty TNHH X và Ngân hàng. Hợp đồng bảo lãnh giữa ông L, ông E và Ngân hàng thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Do đó, trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông Hồ Thanh L, ông Trần Văn E có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu là có cơ sở.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công ty TNHH X phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 464.629.716 đồng, tương đương số tiền án phí: 22.585.189 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn Công ty TNHH X về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty TNHH X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 22/04/2021 là: 464.629.716 đồng (bốn trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, bảy trăm mười sáu đồng) bao gồm nợ gốc là 362.233.676 đồng (ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng), nợ lãi là 96.428.709 đồng (chín mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn, bảy trăm lẻ chín đồng) phạt chậm trả: 5.967.331đồng (năm triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi mốt đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/04/2021 được tính theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa Công ty X và Ngân hàng A cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông Hồ Thanh L và ông Trần Văn E có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH X theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH X phải nộp số tiền 22.585.189 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, một trăm tám mươi chín đồng).

Ngân hàng A được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.300.000 (Mười sáu triệu, ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007583 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- CCTHADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lương